

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2021/HNGĐ - ST

Ngày 22/12/2021

*V/v " ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng  
con chung khi ly hôn "*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Như Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Huệ

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST - HNGĐ ngày 07/12/2021 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị S (Tức Trần Thị Sừn).

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh D.

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2021 và các bản tự khai của chị Trần Thị S cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì chị Trần Thị S và anh Nguyễn Minh D về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 20/7/2020 mới đến đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc chị Trần Thị S làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Minh D là do bất đồng quan điểm trong làm ăn và tạo dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái,

dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã được gia đình, anh em khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Anh Nguyễn Minh D thường xuyên bỏ nhà đi không có trách nhiệm gì với gia đình vợ, con. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Trần Thị S có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh D.

**Về con chung:** Chị Trần Thị S xác nhận chị và anh Nguyễn Minh D, chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung.

Cháu lớn: Nguyễn Tiến Đ - Sinh ngày: 29/9/2002;

Cháu thứ hai: Nguyễn Minh T - Sinh ngày: 21/8/2004.

Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường không ốm đau bệnh tật gì và hiện tại cháu Nguyễn Tiến Đ đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên khi ly hôn chị Trần Thị S không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Minh T hiện tại đang ở với vợ chồng chị tại Thôn T, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị Trần Thị S có yêu cầu và nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh T cho đến khi cháu Nguyễn Minh T trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị S không yêu cầu anh Nguyễn Minh D phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

**Về tài sản chung:** Chị Trần Thị S xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Minh D chưa tạo dựng được tài sản gì chung. Nên khi ly hôn chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về công nợ chung:** Chị Trần Thị S xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Minh D không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên khi ly hôn chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Minh D trong quá trình giải quyết vụ án thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, tại nơi cư trú bản thân anh không có ai là người thân thích, do vậy việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Minh D Tòa án không thể tiến hành được, Tòa án đã phải thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để anh Nguyễn Minh D thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Trình bày những quan điểm về xác định thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng và các biện pháp thu thập chứng cứ, trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật cố tình trốn tránh, không chấp hành theo yêu cầu của

Tòa án, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các biện pháp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi phân tích đánh giá nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Trần Thị S ly hôn với anh Nguyễn Minh D.

Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Minh T - Sinh ngày: 21/8/2004 cho chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Minh T trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Minh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản và công nợ: Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

**[1]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Minh D về chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 20/7/2020 anh, chị mới đến ủy ban nhân dân thị trấn nông trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là một hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau ngày kết hôn vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đã có 02 con chung, đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến việc chị Trần Thị S làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Minh D là do quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc. Trong thời gian này vợ chồng không quan tâm thăm hỏi gì đến nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn ngày 07/10/2021 chị Trần Thị S làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh D.

Đối với anh Nguyễn Minh D trong quá trình giải quyết vụ án thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú do vậy việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Minh D Tòa án không thể tiến hành được, đã phải thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để anh Nguyễn Minh D thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh Nguyễn Minh D không những không trả lời Tòa án bằng văn bản về những yêu cầu và nguyện vọng của mình đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi dưỡng con chung của chị Trần Thị S mà thậm chí anh Vũ Minh Dương cố tình trốn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị S vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn đối với anh Nguyễn Minh D với lý do tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Xét yêu cầu của chị Trần Thị S và đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các qui định tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị S và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ đúng pháp luật.

**[2].Về con chung:** Tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị Trần Thị S xác nhận: Chị và anh Nguyễn Minh D, chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung Cháu lớn: Nguyễn Tiến Đ - Sinh ngày: 29/9/2002 hiện nay cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Cháu thứ hai: Nguyễn Minh T - Sinh ngày: 21/8/2004. Hiện nay cháu khỏe mạnh phát triển bình thường không ốm đau bệnh tật gì và hiện tại cháu đang ở với vợ chồng anh chị tại Thôn T, thị trấn P, huyện B. Khi ly hôn chị Trần Thị S có yêu cầu và nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh T cho đến khi cháu Tuấn trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Minh D phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu của chị Trần Thị S và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc ly hôn và nuôi dưỡng con chung để chị Trần Thị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh T là có căn cứ. Bởi lẽ kể từ khi anh chị xảy ra mâu thuẫn thì anh Nguyễn Minh D thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm gì đến chị và cháu, để mặc cho chị Trần Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác tại biên bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Minh T thì cháu Tuấn có yêu cầu và nguyện vọng xin được ở với chị Trần Thị S đồng thời chị Trần Thị S cũng xác định bản thân chị có thu nhập ổn định 4.000.000đ/tháng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T cho đến khi cháu Tuấn trưởng thành mà không cần sự chu cấp của anh Nguyễn Minh D. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cho cháu về tâm lý cũng như trong sinh hoạt và quyền lợi về mọi mặt của cháu Nguyễn Minh T. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị S về việc nuôi dưỡng con chung và giao cháu Nguyễn Minh T cho chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

**[3]Về tài sản chung:** Chị Trần Thị S xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Minh D chưa tạo dựng được tài sản gì chung. Nên khi ly hôn chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Viện kiểm sát không đề cập. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[4] Về công nợ chung:** Chị Trần Thị S xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Minh D không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên khi ly hôn chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Viện kiểm sát không đề cập. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[5]. Về án phí:** Đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên.**

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Trần Thị S ly hôn với anh Nguyễn Minh D.

**2. Về con chung:** Xử giao cháu Nguyễn Minh T; Sinh ngày: 21/8/2004 cho chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Minh T trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Minh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Trần Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002698 ngày 12/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Xác nhận chị Trần Thị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- UBNDTT Nông trường P;
- Các đương sự (2);
- Lưu HS – TA - VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Phạm Như Long**

